

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ và  
phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc  
giai đoạn 2020 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật khoa học công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Hỗ trợ đổi mới công nghệ và phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.* *u*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng hỗ trợ**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định một số chính sách về Hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường công nghệ được tổ chức, triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghị quyết HĐND được áp dụng và triển khai thực hiện giai đoạn 2020-2025, định kỳ đánh giá và đề xuất điều chỉnh bổ sung.

#### 2. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện đổi mới công nghệ; tăng cường năng lực nghiên cứu, thực hiện chuyển giao công nghệ.

Các tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu có hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu ứng dụng và triển khai ứng dụng công nghệ, cải tiến công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Các tổ chức trung gian của thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

### **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Việc hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Hỗ trợ trực tiếp cho các dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chứng nhận.

3. Trong cùng một thời gian, nếu đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này được hưởng nhiều nội dung hỗ trợ khác nhau, thì doanh nghiệp được lựa chọn 01 (một) mức có lợi nhất.

4. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện hoặc hỗ trợ bằng nguồn vốn ngân sách của Nhà nước.

### **Điều 3. Nội dung một số chính sách hỗ trợ**

#### 1. Hỗ trợ đổi mới công nghệ

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, bao gồm: đổi mới công nghệ, đào tạo, thuê chuyên gia hướng dẫn vận hành, sản xuất sản phẩm theo công nghệ mới đầu tư. Mức hỗ trợ: 30% kinh phí thực hiện dự án, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án. *se*

b) Điều kiện được hỗ trợ:

Dự án có mục tiêu, nội dung phục vụ trực tiếp yêu cầu đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm, hàng hóa.

Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 2. Hỗ trợ kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí của hợp đồng chuyển giao công nghệ, tối đa không quá 500 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ. Công nghệ được chuyển giao là một hoặc các nội dung sau đây:

Bí quyết kỹ thuật.

Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu.

Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

Hợp đồng chuyển giao công nghệ có công nghệ không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc theo quy định của các Bộ, Ngành.

Hợp đồng chuyển giao công nghệ được cấp có thẩm quyền chứng nhận.

3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn để thực hiện dự án ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 2%/năm lãi suất vay vốn, tối đa không quá 600 triệu đồng để thực hiện dự án nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ nhằm cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) từ tổ chức khoa học và công nghệ.

Công nghệ được chuyển giao thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

Có hợp đồng vay vốn từ ngân hàng và hồ sơ, chứng từ trả nợ lãi vay.

re

#### 4. Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

##### a) Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ cho tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp đặc thù của tỉnh Vĩnh Phúc, bao gồm:

Tìm kiếm, thuê chuyên gia để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bảo đảm ứng dụng, chuyển giao theo đặc thù của địa phương.

Nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất.

Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí để thực hiện các hoạt động trên, tối đa không quá 500 triệu đồng/ nhiệm vụ khoa học công nghệ.

b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức khoa học và công nghệ có sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Các hoạt động trên xây dựng theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ đồng thời được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

#### 5. Hỗ trợ Phát triển thị trường công nghệ

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ đến 50% kinh phí, tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phát triển tổ chức trung gian của thị trường công nghệ thực hiện các nội dung sau:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ hoạt động của sàn giao dịch công nghệ.

Tra cứu, thu thập và cung cấp thông tin về công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, chuyên gia công nghệ, nhu cầu công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ khai thác cơ sở dữ liệu về thị trường khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước.

Môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ; phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ý tưởng công nghệ.

Tổ chức, tham gia sự kiện trong nước, ngoài nước về xúc tiến phát triển thị trường công nghệ, thương mại hóa sáng chế, khởi nghiệp sáng tạo.

Thuê chuyên gia tư vấn trong nước, nước ngoài; tổ chức đào tạo về môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ; đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ; quản trị tài sản trí tuệ; thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. *re*

b) Điều kiện hỗ trợ: Dự án hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Kinh phí thực hiện:** Từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách cấp tỉnh được cân đối trong dự toán ngân sách hằng năm.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khóa XVI, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2019. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH (01).H (100).

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vinh**